

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM THỊ VÂN BÌNH

**GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO
CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN -
CHI NHÁNH HẢI VÂN**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. VÕ THỊ THÚY ANH**

Phản biện 1: **TS. HỒ HỮU TIẾN**

Phản biện 2: **TS. TÓNG THIÊN PHƯỚC**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 8 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Rủi ro là yếu tố gắn liền với mọi hoạt động đầu tư nói chung, trong đó có hoạt động cho vay của các ngân hàng. Rủi ro tín dụng (RRTD) trong cho vay là một trong những loại rủi ro xuất hiện lâu đời và phức tạp nhất mà các ngân hàng phải đối mặt, không thể loại bỏ hoàn toàn rủi ro tín dụng mà chỉ có thể áp dụng các biện pháp để phòng ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại tối đa khi rủi ro xảy ra.

Trong điều kiện nền kinh tế còn phải đối mặt với nhiều khó khăn điều này gây tác động không nhỏ đến hoạt động tín dụng ngân hàng nhất là hoạt động cho vay đối khách hàng doanh nghiệp. Do đó, hiện nay việc nâng cao hiệu quả trong hoạt động cho vay của ngân hàng nhất là việc tìm ra các biện pháp nhằm hạn chế các rủi ro tín dụng trong cho vay đối với đối tượng khách hàng doanh nghiệp giai đoạn hiện nay là cần thiết và ngày càng được các ngân hàng thương mại quan tâm. Chính vì lý do trên tôi quyết định chọn đề tài ***“Giải pháp hạn chế rủi ro cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hải Vân”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại một ngân hàng thương mại. Trên nền tảng lý luận đó phân tích, đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay và các nhân tố gây ra rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân (BIDV Hải Vân). Từ đó nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp, nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng.

3. Câu hỏi nghiên cứu:

- Ngân hàng thương mại cần làm gì để hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp?
- Công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của BIDV Hải Vân có những ưu nhược điểm gì?
- Để hoàn thiện công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp thì BIDV Hải Vân cần thực hiện những biện pháp nào?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân.

Phạm vi nghiên cứu: phân tích các vấn đề liên quan đến việc hạn chế rủi ro tín dụng cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân giai đoạn 2008-2011.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trong quá trình nghiên cứu, luận văn vận dụng kết hợp các phương pháp cụ thể như: thống kê, so sánh, tổng hợp để phân tích thực tế thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Hệ thống hóa và khái quát hóa các lý luận cơ bản liên quan vấn đề về rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp. Từ việc phân tích, đánh giá để rút ra những nhận xét, kết luận về thực trạng RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân. Nêu ra được những nguyên nhân và những vấn đề cần giải quyết. Trên cơ sở các phân tích, đánh giá thực trạng đó đề xuất các giải pháp hạn chế tối đa

RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân.

7. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận thì luận văn gồm 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân.

Chương 3: Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

1.1 Hoạt động cho vay của Ngân hàng thương mại

1.1.1 Khái niệm về cho vay: Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó Tổ chức tín dụng giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

1.1.2 Nguyên tắc cho vay của Ngân hàng

- Khách hàng phải cam kết hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.
- Khách hàng phải cam kết sử dụng vốn vay theo đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.
- Khách hàng phải có bảo đảm theo quy định của ngân hàng.

1.1.3 Phân loại cho vay của Ngân hàng thương mại

1.1.3.1 Căn cứ thời hạn cho vay: Cho vay ngắn hạn: là loại cho vay có thời hạn vay đến 12 tháng, cho vay trung hạn: là loại cho vay có thời hạn vay trên 12 tháng đến 60 tháng, cho vay dài hạn: là loại cho

vay có thời hạn cho vay trên 60 tháng.

1.1.3.2 Căn cứ vào mức độ tín nhiệm đối với khách hàng: cho vay có bảo đảm bằng tài sản, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản..

1.1.3.3 Căn cứ theo phương thức cho vay: cho vay từng lần (cho vay theo món), cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay trả góp, cho vay hợp vốn, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cho vay theo hạn mức thấu chi, các phương thức cho vay khác.

1.2 Rủi ro tín dụng trong cho vay của Ngân hàng thương mại

1.2.1 Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay

Rủi ro tín dụng trong cho vay là một loại rủi ro tín dụng, là rủi ro về sự tổn thất tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp xuất phát từ người đi vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo cam kết hoặc mất khả năng thanh toán.

1.2.2 Phân loại rủi ro tín dụng

- Nếu căn cứ vào nguồn gốc phát sinh rủi ro, rủi ro tín dụng được phân chia thành các loại sau: Rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục.

- Nếu phân loại theo tính khách quan, chủ quan của nguyên nhân gây ra rủi ro thì rủi ro tín dụng được phân ra thành rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan.

1.2.3 Hậu quả của rủi ro tín dụng

- *Đối với ngân hàng:* Rủi ro tín dụng làm cho nguồn vốn của NHTM bị đóng băng, ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của ngân hàng, làm giảm uy tín và lợi nhuận của ngân hàng và có thể là nguyên nhân làm phá sản ngân hàng.

- *Đối với nền kinh tế:* rủi ro tín dụng làm giảm khả năng hội nhập của nền kinh tế.

1.2.4 Nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng

1.2.4.1 Nguyên nhân khách quan

- Sự thay đổi chính sách của Nhà nước
- Môi trường tự nhiên
- Môi trường kinh tế xã hội

1.2.4.2 Nguyên nhân chủ quan

- Trình độ yếu kém của đội ngũ cán bộ ngân hàng
- Nạn tham nhũng, hối lộ trong hoạt động ngân hàng
- Sự quản lý yếu kém của ngân hàng
- Nguyên nhân từ phía khách hàng

1.3 Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

1.3.1 Khái quát khách hàng doanh nghiệp

1.3.1.1 Khái niệm doanh nghiệp: Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

1.3.1.2 Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Các Ngân hàng thương mại cho vay doanh nghiệp với số tiền lớn, nên khi phát sinh nợ quá hạn thì thường nợ quá hạn với món lớn.
- Các doanh nghiệp thường đưa ra những báo cáo tài chính chưa chính xác.
- Về phía ngân hàng, các ngân hàng chưa thật sự tin tưởng vào hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp dẫn đến ngân hàng thường hạn chế cho vay để giảm thiểu rủi ro.

1.3.2 Nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay được hiểu là các hoạt động mà ngân hàng đưa ra nhằm phòng ngừa để giảm thiểu khả năng xuất hiện rủi ro tín dụng trong cho vay và đưa ra các biện pháp xử lý

khi rủi ro tín dụng đã xảy ra.

1.3.2.1 Phòng ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Tổ chức thực hiện hoạt động cho vay theo quy trình cho vay
- Thực hiện tốt phân tích tín dụng – cơ sở hình thành khoản cho vay tốt

- Kiểm tra và giám sát việc sử dụng vốn vay
- Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

1.3.2.2 Biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Cho vay duy trì hoạt động doanh nghiệp và cơ cấu lại thời hạn trả nợ

- Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay
- Bán các khoản nợ
- Khởi kiện ra tòa để thu hồi nợ
- Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý
- Khoanh nợ, xóa nợ

Ngoài ra ngân hàng có thể sử dụng các biện pháp xử lý rủi ro nhằm chuyển giao rủi ro tín dụng trong cho vay như: *Chuyển nợ thành vốn góp cổ phần, chứng khoán hóa.*

1.3.3 Tiêu chí đánh giá kết quả công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại

1.3.3.1 Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

1.3.3.2 Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng

1.3.3.3 Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro

1.3.3.4 Sự thay đổi cơ cấu các nhóm nợ xấu

1.3.4 Những nhân tố ảnh hưởng đến công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

* *Nhân tố bên trong như:* Tổ chức bộ máy và quy trình nghiệp

vụ, năng lực thẩm định và giám sát tín dụng của cán bộ làm công tác tín dụng, công nghệ ngân hàng.

* *Nhân tố bên ngoài*: cơ chế, chính sách của Nhà nước là nhân tố đặc biệt quan trọng, có tác động tới chất lượng tín dụng và mức độ rủi ro của nguồn vốn cho vay.

Chương 2

THỰC TRẠNG RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI BIDV HẢI VÂN

2.1 Khái quát tình hình kinh doanh của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân

2.1.1 Giới thiệu về BIDV Hải Vân

2.1.1.1 Sự hình thành và phát triển

2.1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của BIDV Hải Vân

2.1.1.3 Cơ cấu tổ chức

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của BIDV Hải Vân:

2.1.2.1. Hoạt động huy động vốn:

Hoạt động huy động vốn là vấn đề then chốt và là cơ sở vững chắc thúc đẩy hoạt động cho vay của BIDV nói chung và của BIDV Hải Vân nói riêng.

Bảng 2.2 Cơ cấu nguồn vốn huy động giai đoạn 2009-2011

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Tổng huy động vốn	401.000	622.100	847.900
	- Định chế tài chính		2.926	26.000
	- Doanh nghiệp	98.000	382.796	406.400
	- Cá nhân	303.000	236.378	415.500

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2009,2010,2011)

Trong cơ cấu nguồn vốn của chi nhánh, có thể thấy nguồn vốn của chi nhánh tăng trưởng tốt. Tiền gửi doanh nghiệp chiếm tỷ trọng 47,9%/tổng nguồn vốn, tiền gửi cá nhân chiếm tỷ trọng 49%/tổng nguồn vốn, tiền gửi các định chế tài chính không đáng kể. có thể thấy nguồn vốn của chi nhánh tăng trưởng tốt .

2.1.2.2 Hoạt động cho vay

Bảng 2.3 Dư nợ cho vay giai đoạn 2009-2011

Đơn vị tính: triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Tăng trưởng(%)	
					10/09	11/10
1	Tổng dư nợ tín dụng	1.085.410	1.451.759	2.262.138	33.70	55.80
2	Cơ cấu tín dụng					
2.1	<i>Theo kỳ hạn</i>					
	Dư nợ vay ngắn hạn	370.618	320.817	307.000	-13.40	-5
	- Dư nợ vay TDH	714.792	1.130.942	1.955.000	58.20	73,0
2.2	<i>Theo khách hàng</i>					
	Dư nợ của KHDN	1.033.100	1.367.829	2.120.230	32.40	55,0
	Dư nợ của KHCN	52.31	83.93	142	60.40	69,0
2.3	<i>Theo ngành nghề</i>					
	Thương mại dịch vụ (KS, KDL, CSHT)	510.286	1.000.085	1.573.146	96.10	57.30
	Xây dựng	179.105	109.708	100.615	-38.70	-8.30
	- CN chế biến và khai thác	122.147	132.254	90.365	8.20	-31.70
3	Nợ nhóm 2 / TDN	17,30%	9,80%	6,7%	-7,5	-3,1
4	Tỷ trọng nợ xấu/TDN	0,75%	0,43%	0,24%	-0,32	-0,19

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2009,2010,2011)

Trong 3 năm, dư nợ tín dụng tại Chi nhánh đều có mức tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước với tốc độ tăng trưởng bình quân là trên 30%. Dư nợ của chi nhánh về cơ cấu chưa hợp lý, tỷ trọng dư

nợ vay trung dài hạn trên tổng dư nợ vẫn còn ở mức rất cao do chi nhánh cho vay đầu tư dự án đối với 1 số khách hàng lớn Hoàng Đạt Silver shore, TCT CP xây dựng Điện VN, Cty CP Cao su ĐN, Cty CP Đầu tư SG- ĐN. Mặt khác, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp rất lớn, chiếm tỷ trọng 93,7%/tổng dư nợ (năm 2011), điều đó cho thấy chi nhánh chưa quan tâm đến lĩnh vực cho vay khách hàng cá nhân. Việc cho vay trung dài hạn quá cao, tập trung vào 1 số khách hàng doanh nghiệp sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro cho chi nhánh.

2.1.2.3. Kết quả kinh doanh

Bảng 2.4 Tình hình thu nhập – chi phí.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
1. Tổng thu nhập	153.202	187.966	220.554
Trong đó: Thu lãi cho vay	118.857	161.094	193.096
2. Tổng chi	129.882	149.440	187.898
Trong đó: Chi trả lãi	95.896	124.246	161.154
3. Quỹ thu nhập	23.320	38.526	32.656

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2009-2011).

Tổng thu nhập đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm 2010 tăng 22% so với năm 2009, năm 2011 tăng 17% so với năm 2010, trong đó thu lãi cho vay chiếm tỷ trọng 87,5%/tổng thu nhập, do nghiệp vụ tín dụng là nghiệp vụ chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của chi nhánh. Cùng với việc tăng thu nhập thì chi phí cũng tăng lên. Năm 2011, tổng chi phí tăng 25,7% so với năm 2011, trong đó chủ yếu là chi trả lãi và trích lập dự phòng rủi ro.

2.2 Thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân

2.2.1 Thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân

- Thực trạng chung rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.5 Tình hình RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân giai đoạn 2008-2011

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011
1. Tổng dư nợ	996.023	1.085.400	1.451.842	2.262.138
2. Nợ xấu KHDN	8.511	7.466	4.528	3.192
<i>Tỷ lệ nợ xấu</i>	<i>0,9</i>	<i>0,7</i>	<i>0,3</i>	<i>0,2</i>
3. Nợ xóa KHDN	85.300	1.760	0	0
<i>Tỷ lệ nợ xóa</i>	<i>8,27</i>	<i>0,17</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
4. Trích DPRR	14.360	15.360	19.487	22.614
<i>Tỷ lệ trích lập DPRR</i>	<i>1,52</i>	<i>1,49</i>	<i>1,42</i>	<i>1,07</i>

(Nguồn: Báo cáo tổng kết BIDV Hải Vân năm 2008-2011)

Nhìn vào biểu trên, ta thấy được tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm là do Chi nhánh tập trung xử lý nợ xấu của các DNNN. Tỷ lệ nợ xấu thấp một phần do kiểm soát tốt các khoản vay và tăng trưởng tín dụng tăng nhanh trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, dư nợ hiện tại của Chi nhánh chủ yếu là dư nợ cho vay các dự án, chiếm trên 80% tổng dư nợ, đặc biệt có dự án với dư nợ chiếm gần 70% trên tổng dư nợ. Về lâu dài, việc cho vay tập trung vào một vài khách hàng của Chi nhánh dễ làm nợ xấu gia tăng, tiềm ẩn rủi ro một khi khách hàng gặp khó khăn. Nhìn vào bảng số liệu, ta thấy mặc dù nợ xấu giảm nhưng số tiền trích lập DPRR tăng lên là do tăng trích lập dự phòng chung.

**-Thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV
Hải Vân phân theo kỳ hạn**

**Bảng 2.6 Cơ cấu rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp
phân theo kỳ hạn**

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011
- Ngắn hạn				
1. Nợ xấu KHDN	2.553	599	2.306	2.733
+ Tỷ lệ nợ xấu NH (%)	0,77	0,17	0,76	0,95
2. Nợ xóa KHDN	25.590	1.160		
Tỷ lệ nợ xóa	7,2	0,3		
3.Trích DPRR	4.308	5.510	6.635	3.053
Tỷ lệ trích lập DPRR	1,3	1,57	2,2	1,06
- Trung, dài hạn				
1. Nợ xấu KHDN	5.958	6.867	2.222	459
Tỷ lệ nợ xấu TDH (%)	0,97	1,01	0,21	0,03
2. Nợ xóa KHDN	59.710	600		
Tỷ lệ nợ xóa	9,62	0,09		
3.Trích DPRR	10.052	9.850	12.852	19.561
Tỷ lệ trích lập DPRR	1,6	1,4	1,2	1,1

(Nguồn: Báo cáo hoạt động tín dụng của BDV Hải Vân 2008-2011)

Qua bảng cho thấy, xét về mức độ rủi ro theo kỳ hạn của toàn Chi nhánh và của khách hàng doanh nghiệp thì tỷ trọng nợ xấu ngắn hạn có xu hướng tăng nhưng mức độ không đáng kể do số lượng khách hàng vay ngắn hạn nhiều, một số khách hàng kinh doanh không hiệu quả. Trong khi đó, nợ xấu trung dài hạn có chiều hướng

giảm mạnh, năm 2008 là 0,97%, đến năm 2011 tỷ lệ này là 0,03%. Để đạt được kết quả trên là do Chi nhánh rút kinh nghiệm từ bài học cho vay tràn lan, chạy theo qui mô, tăng trưởng tín dụng bỏ qua các điều kiện tín dụng, tính hiệu quả thật sự của dự án dẫn đến phải xử lý nợ trong thời gian qua.

- Thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân phân theo loại hình doanh nghiệp

Bảng 2.7 Cơ cấu rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp phân theo loại hình doanh nghiệp

Đơn vị tính: triệu đồng, %

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011
- Cho vay DNNN				
1. Nợ xấu KHDN	0	0	0	0
Tỷ lệ nợ xấu	0	0	0	0
2. Nợ xóa KHDN	70.100			
Tỷ lệ nợ xóa	40,2			
3.Trích DPRR	3.533	2.250	750	1.125
Tỷ lệ trích lập DPRR	3,39	3,11	0,91	1,06
- Cho vay DN NQD				
1. Nợ xấu KHDN	8.511	7.466	4.528	3.192
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,01	0,78	0,35	0,16
2. Nợ xóa KHDN	15.200	1.760	0	0
Tỷ lệ nợ xóa	1,7	0,18	0	0
3.Trích DPRR	10.827	13.110	18.737	21.489
Tỷ lệ trích lập DPRR	1,29	1,36	1,46	1,07

(Nguồn: Báo cáo hoạt động tín dụng năm 2008 – 2011)

Qua bảng trên cho thấy, rủi ro tín dụng trong cho vay của Chi nhánh chủ yếu của đối tượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Nợ xấu của loại hình DNNN giảm qua các năm do thực hiện chủ trương của chính phủ là cổ phần hóa DNNN, chuyển đổi cơ cấu sở hữu, xử lý nợ của DNNN đã làm cho nợ xấu của thành phần kinh tế này giảm mạnh. Hiện nay, tất cả các doanh nghiệp đều đã chuyển sang công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn – một thành viên. Vì vậy, DNNN được hiểu là các doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm trên 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và số lượng doanh nghiệp này cũng rất ít bởi nhà nước chỉ nắm giữ 1 số lĩnh vực quan trọng như điện, xi măng, thép. Vì vậy, có thể nói doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm số lượng lớn trong cơ cấu khách hàng tại chi nhánh. Nợ xấu doanh nghiệp ngoài quốc doanh ngày càng giảm do chi nhánh chú trọng công tác thẩm định, nâng cao chất lượng thẩm định, không cho vay mới các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Đồng thời, nhờ chính sách hỗ trợ lãi suất của chính phủ nên nhiều doanh nghiệp giảm bớt khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh. Nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh ngày càng giảm cả số tuyệt đối lẫn tỉ lệ cho thấy chất lượng tín dụng của chi nhánh được nâng lên.

-Thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Hải Vân phân theo ngành kinh tế

Hiện tại chi nhánh cho vay các Doanh nghiệp chủ yếu tập trung các ngành: thương mại dịch vụ, ngành xây dựng và công nghiệp chế biến và khai thác. Tỷ lệ nợ xấu phân theo ngành nghề cũng được thể hiện như sau:

Bảng 2.7 Cơ cấu rủi ro tín dụng trong cho vay do ảnh hưởng phân theo ngành kinh tế

EVT:Tiền đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2008						Năm 2009						Năm 2010						Năm 2011										
	Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu	Tỷ lệ Nợ xấu
Ngành xây dựng	2.230	0,54	80.200	0,16	4.100	1,43	4.672	2,1	1.760	0,79	3.270	1,35	6.918	4,48	5.100	2,01	7.596	3	5,430	2,17									
Ngành điện	0	0			303	0,75	0				430	0,75	597	0,06	125	0,9	629	2,2	270	0,96									
Ngành công nghiệp chế biến và khai thác	2.375	4,09			1.923	3,3	1.508	1,39			2.540	2,3	1.571	1,61	1.547	0,04	1.614	1,78	1.150	1,27									
Ngành Thương mại dịch vụ	2.700	0,49	5.100	0,9	7.480	1,68	1.286	0,21			8.854	1,48	5.983	0,55	12.131	1,21	9.354	0,56	13.664	0,89									
Ngành khác	1.206	0,65			554	0,06	0	0			266	0,75	291	0,03	584	0,85	294	0,1	2.100	0,86									

Nguồn: Báo cáo hoạt động tín dụng của BIDV Hải Vân năm 2008-2011

Qua bảng số liệu cho thấy, rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân chỉ tập trung vào một số ngành nghề cơ bản điển hình như: ngành xây dựng, thương mại dịch vụ là chủ yếu. Do tình hình kinh tế khó khăn, hoạt động kinh doanh không đem lại hiệu quả cao, nhiều công trình vẫn còn dở dang, không thực hiện quyết toán được nên công nợ chậm thanh toán nhiều, trong khi nhu cầu vốn không đủ đáp ứng cho các doanh nghiệp dẫn đến doanh nghiệp không đủ nguồn để trả nợ cho ngân hàng. Các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực VLXD cũng bị ảnh hưởng trực tiếp do hàng tồn kho tăng, công nợ chậm thu hồi, do đó nợ xấu đối tượng doanh nghiệp này cũng cao hơn.

2.2.2 Thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân

2.2.2.1 Phòng ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Tổ chức thực hiện hoạt động cho vay theo quy trình cho vay

Về cơ cấu tổ chức bộ máy thực hiện quy trình cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh đã có sự tách biệt độc lập trong quá trình cấp tín dụng từ khâu thẩm định, phê duyệt cho đến khâu giải ngân và thu nợ.

Quy trình cấp tín dụng tại Chi nhánh Hải Vân thực hiện trên cơ sở quy định phân cấp uỷ quyền của BIDV và quy trình cấp tín dụng của ngành.

- Thực hiện phân tích tín dụng

Hiện nay tại Chi nhánh, việc phân tích tín dụng nhằm kiểm soát khoản vay trước và trong khi cho vay chủ yếu được thực hiện thông qua: Tiếp xúc khách hàng, phân tích báo cáo tài chính của khách hàng, phân tích hồ sơ đề nghị vay vốn.

- Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro

Việc phân loại nợ của khách hàng doanh nghiệp tại BIDV

Hải Vân thực hiện dựa vào kết quả chấm điểm khách hàng theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV. Trên cơ sở chấm điểm khách hàng, mỗi khách hàng sẽ được xếp vào một nhóm nào đó và áp dụng chính sách phù hợp. Căn cứ vào tổng số điểm đạt được, khách hàng sẽ được phân loại vào một trong 10 mức xếp hạng như nhau: AAA, AA, A, BBB, BB, B, CCC, CC, C, D.

Căn cứ vào kết quả xếp hạng, các khoản nợ của khách hàng sẽ được phân loại vào các nhóm nợ tương ứng: Nợ nhóm 1: gồm khách hàng xếp hạng AAA, AA, A; Nợ nhóm 2: gồm khách hàng xếp hạng BBB, BB; Nợ nhóm 3: gồm khách hàng xếp hạng B, CCC, CC; Nợ nhóm 4: gồm khách hàng xếp hạng C; Nợ nhóm 5: gồm khách hàng xếp hạng D.

Để bù đắp các tổn thất có thể xảy ra do khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ theo cam kết, vì vậy BIDV nói chung và BIDV Hải Vân nói riêng đã đặt ra vấn đề là phải có một quỹ dự phòng để đảm bảo an toàn phòng ngừa rủi ro tránh cho ngân hàng khỏi rơi vào tình thế khó khăn khi rủi ro xảy ra.

Bảng 2.11 Trích lập DPRR và xử lý rủi ro giai đoạn 2008- 2011

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011
1. Trích lập dự phòng	14.360	15.360	19.487	22.614
2. Xử lý rủi ro	85.300	1.760	0	0
3. Thu hồi nợ xử lý rủi ro	0	33.818	5.700	1.350

(Nguồn: Báo cáo thường niên BIDV Hải Vân năm 2008-2011).

2.2.2.2 Biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Cho vay duy trì hoạt động doanh nghiệp và cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Bảng 2.12: Kết quả cho vay duy trì hoạt động và cơ cấu nợ của BIDV Hải Vân

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Tăng, giảm	
	Số tiền	TT(%)	Số tiền	TT(%)	Số tiền	%
Cho vay duy trì hoạt động	792	53,8	459	39,5	-333	-58
Cơ cấu lại nợ	679	36,2	702	60,5	23	103
Tổng cộng	1.471	100	1.161	100	-310	79

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của BIDV Hải Vân năm 2010-2011)

BIDV Hải Vân đã nhận thức, đánh giá và dự báo được tình hình nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng của khủng hoảng thế giới, tác động trực tiếp đến khách hàng gặp khó khăn trong kinh doanh, làm suy giảm khả năng trả nợ ngân hàng dẫn đến nợ xấu. Vì vậy, BIDV Hải Vân đã thiện phân tích, đánh giá tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của khách hàng, thực hiện cho vay duy trì hoạt động và cơ cấu lại nợ đối với những khách hàng gặp khó khăn tạm thời do ảnh hưởng khách quan, có phương án khả thi sau khi được cho vay, cơ cấu lại nợ. Nhờ đó, mà nợ xấu giảm xuống.

- Quản lý nợ xấu thông qua phát mãi tài sản đảm bảo nợ vay

BIDV Hải Vân đã thu hồi nợ xấu từ việc phát mãi tài sản đảm bảo nợ vay năm 2010 là 2.457 triệu đồng, năm 2011 là 1.665 triệu đồng.

- Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu

Năm 2008, BIDV Hải Vân đã sử dụng 85.300 triệu đồng từ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng và mượn nguồn của trung ương để xử lý nợ xấu, điều này đồng nghĩa với việc giảm được 85.300 triệu đồng nợ xấu. Năm 2009, chi nhánh có xử lý nợ nhưng số nợ xử lý không đáng kể nên chi nhánh sử dụng quỹ dự phòng để xử lý. Từ năm 2010 đến 2011, nguồn DPRR tăng lên và chi nhánh không xử lý rủi ro do không có khách hàng nào thuộc đối tượng phải xử lý rủi ro.

- Bán nợ hạch toán ngoại bảng

Kết quả thu nợ ngoại bảng thời gian qua rất khả quan: năm 2008 thu được 38.994 triệu đồng, năm 2009 thu được 40.818 triệu đồng, trong đó năm 2009 Chi nhánh đã thực hiện bán nợ Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp - Bộ Tài chính (DATC) với số tiền thu được là 30.000 triệu đồng.

2.3 Đánh giá kết quả công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân

2.3.1 Đánh giá kết quả công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân

Từ thực tế công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân, kết quả đạt được trong giai đoạn 2008-2011 thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

Bảng 2.16 Các chỉ tiêu đánh giá kết quả công tác hạn chế RRTD trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân giai đoạn 2008- 2011

Đơn vị tính : %

Chỉ tiêu	2009/2008	2010/2009	2011/2010
1. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu	-20	-54	-55
2. Mức giảm tỷ lệ nợ xoá	-98	-100	
3. Mức giảm tỷ lệ trích lập DPRR	-2	-4	-25

(Nguồn: Báo cáo thường niên BIDV Hải Vân năm 2008-2011).

Qua số liệu trên cho thấy tỷ lệ nợ xấu và trích lập dự phòng rủi ro đều giảm. Tuy nhiên, năm 2009 tăng lên là do dư nợ tăng lên dẫn đến trích lập dự phòng rủi ro chung tăng. Điều đó chứng tỏ chất lượng tín dụng ngày càng được nâng lên rõ rệt. Việc thu hồi nợ đã xoá cũng được chi nhánh thực hiện tốt. Năm 2009, chi nhánh giảm được 98% nợ xoá nhờ việc bán nợ và xử lý TSBĐ để thu nợ.

Bảng 2.17 Bảng thay đổi cơ cấu các nhóm nợ xấu doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân giai đoạn 2008- 2011

Đvt : Triệu đồng, %

Cơ cấu các nhóm nợ xấu	2008		2009		2010		2011	
	Dư nợ	TT	Dư nợ	TT	Dư nợ	TT	Dư nợ	TT
Nợ nhóm 3	8,511	0.85	6,932	0.64	4,000	0.28	130	0.01
Nợ nhóm 4							270	0.01
Nợ nhóm 5			534	0.05	528	0.04	2,792	0.12
Tổng	8,511	0.85	7,466	0.69	4,528	0.31	3,192	0.14

(Nguồn: Báo cáo thường niên BIDV Hải Vân năm 2008-2011).

Qua số liệu trên cho thấy, nợ xấu của chi nhánh chủ yếu là nợ nhóm 3, còn nợ nhóm 4 gần như không có, nợ nhóm 5 không đáng kể. Tuy nhiên, năm 2011, nợ nhóm 5 tăng cao.

2.3.2 Đánh giá chung và nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân trong thời gian qua

2.3.2.1 Những mặt đạt được trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân.

- Chất lượng tín dụng vẫn trong tầm kiểm soát.
- Các bộ phận đã được chuyên môn hóa sâu hơn tùy theo chức năng tạo tính khách quan, độc lập trong thẩm định cho vay.
- Ngân hàng đã lường trước được những dấu hiệu các khoản vay,

khách hàng có vấn đề để có những biện pháp đối phó kịp thời qua xếp hạng khách hàng bằng hệ thống xếp hạng nội bộ.

- Duy trì và lựa chọn những khách hàng tốt, có uy tín trong vay trả để cấp tín dụng.

2.3.2.2 Những mặt tồn tại của công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tại BIDV Hải Vân

- Công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay đã được thực hiện nhưng vẫn còn bất cập, việc cảnh báo cũng như dự báo tiềm ẩn rủi ro chưa hiệu quả.

- Phòng Quản lý rủi ro chưa thực hiện đầy đủ chức năng cảnh báo rủi ro cho chi nhánh như chưa xây dựng danh mục khách hàng, ngành hàng ưu tiên phát triển, danh mục khách hàng, ngành hàng cần hạn chế cho vay...

- Công tác kiểm soát rủi ro của Chi nhánh thường tập trung chủ yếu vào khâu kiểm tra trước và trong khi cho vay.

- Công tác kiểm soát nội bộ chưa được thực hiện thường xuyên, chất lượng còn thấp, chỉ mới dừng lại ở mức độ là phát hiện, xử lý vụ việc khi xảy ra rủi ro.

- Phân tán rủi ro tín dụng trong cho vay tại Chi nhánh chưa hiệu quả, tập trung vào một số khách hàng lớn do đó tiềm ẩn rủi ro.

- Thông tin mà Chi nhánh có được từ khách hàng là do chính khách hàng cung cấp, các báo cáo tài chính của khách hàng đa số chưa qua kiểm toán và thiếu sự minh bạch, tính khách quan, chính xác không cao, ảnh hưởng đến công tác xếp hạng khách hàng.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Khả năng thích ứng của một số cán bộ với môi trường cạnh tranh gay gắt còn chậm.

2.3.2.3 Các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân trong thời gian qua

- *Nguyên nhân từ môi trường kinh doanh*
 - Sự biến động của nền kinh tế
- *Nguyên nhân từ phía khách hàng*
 - Tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch:
 - Do năng lực quản trị điều hành còn hạn chế
 - Do sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trả nợ
- *Nguyên nhân từ phía Ngân hàng*
 - Công tác thu thập thông tin tín dụng không đầy đủ và chính xác
 - Lạm dụng tài sản thế chấp để cho vay
 - Thiếu kiểm tra, giám sát khoản vay
 - Trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ QHKK, cán bộ quản lý rủi ro còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

Chương 3

GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG

TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI BIDV HẢI VÂN

3.1 Định hướng hoạt động tín dụng và mục tiêu hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tại BIDV Hải Vân trong thời gian đến

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.
- Bám sát tình hình hoạt động của khách hàng để kiểm soát các khoản vay. Để cụ thể hóa định hướng hoạt động tín dụng, Chi nhánh cần phải đáp ứng được các mục tiêu sau:

Một là: Mục tiêu về tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Nợ xấu được phân loại theo tiêu chuẩn phân loại nợ của Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hai là: Phân tán rủi ro trong danh mục đầu tư tín dụng theo định hướng lựa chọn những ngành nghề, lĩnh vực và nhóm khách hàng có khả năng phát triển tốt và đạt hiệu quả;

Ba là: Tập trung gia tăng khả năng kiểm soát, phòng ngừa rủi ro

tín dụng trong hoạt động của Chi nhánh thông qua nâng cao chất lượng thẩm định, tăng cường năng lực tự giám sát và quản trị rủi ro tín dụng nội bộ.

Bốn là: Củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ngân hàng

Năm là: Tăng cường công tác quản lý khách hàng, giám sát chặt chẽ các khoản nợ tồn đọng

3.2 Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân

3.2.1 Hoàn thiện các giải pháp nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Tổ chức giám sát nợ một cách đầy đủ, chặt chẽ, có hiệu quả thông qua hoạt động phân tích, phân loại nợ theo định kỳ, qua đó phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay

Việc giám sát nợ cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và có thể được thực hiện theo các hướng: Cảnh báo danh mục tín dụng, giám sát từng khoản vay và giám sát tổng thể danh mục tín dụng.

- Mở rộng ứng dụng của hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Để lượng hóa được mức độ rủi ro các khoản vay được tốt hơn, Chi nhánh cần tiến đến xây dựng mô hình đánh giá mức độ rủi ro trên cơ sở kết hợp kết quả của Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và mô hình đánh giá tài sản đảm bảo. Cần xem xét bổ sung thêm các tiêu chí sau: Loại tài sản bảo đảm, Xu hướng giảm giá của tài sản bảo đảm, Khả năng sinh lời của tài sản.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ về nghiệp vụ lẫn đạo đức nghề nghiệp

- Có biện pháp thưởng phạt nghiêm minh nhằm khuyến khích các cá nhân làm tốt, phê bình, kiểm điểm nghiêm khắc những cán bộ

thường dễ xảy ra sai sót, thiếu tinh thần trách nhiệm

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ
- Kiểm tra việc sử dụng vốn vay của khách hàng
- Tăng cường công tác thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin

3.2.2 Hoàn thiện các biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng trên cơ sở nguồn thu đảm bảo, chắc chắn và phương án trả nợ cơ cấu khả thi
- Bán các khoản nợ
- Khai thác, xử lý có hiệu quả các tài sản bảo đảm nợ vay
- Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng hợp lý và có hiệu quả

3.2.3 Các giải pháp khác

- Phân tán rủi ro
- Chuyển nợ thành vốn góp cổ phần
- Chứng khoán hóa
- Sử dụng công cụ bảo hiểm và tài sản đảm bảo

3.3 Một số kiến nghị

3.3.1 Kiến nghị đối với các cơ quan liên quan

3.3.1.1 Đối với Nhà nước, Chính phủ, các Bộ ngành

3.3.1.2 Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

3.3.2 Kiến nghị với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

KẾT LUẬN

Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay là hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính của các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta đã và đang chỉ đạo toàn ngành ngân hàng triển khai thực hiện. Đề tài luận

vấn **“Giải pháp hạn chế rủi ro cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hải Vân”** được chọn nghiên cứu để giải quyết một trong những vấn đề trọng trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học và phân tích đánh giá tổng kết thực tiễn, về cơ bản luận văn đã hoàn thành được các nhiệm vụ sau:

1- Luận văn đã khái quát hoá cơ sở lý thuyết cơ bản về hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại; rủi ro tín dụng trong cho vay của NHTM cũng như nguyên nhân phát sinh và ra nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM.

2- Luận văn đã nghiên cứu thực trạng hoạt động kinh doanh của BIDV Hải Vân trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2011, đi sâu phân tích, lý giải thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân, qua đó đánh giá được những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân.

3- Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại BIDV Hải Vân, luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị có tính khả thi nhằm quản lý nợ xấu có hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng của BIDV Hải Vân trong thời gian tới. Luận văn cũng đưa ra một số kiến nghị với cơ quan liên quan cũng như kiến nghị đối với BIDV.

Đây là một đề tài có tính phức tạp nên những đánh giá, phân tích, những giải pháp, kiến nghị không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tác giả luận văn mong muốn nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn đọc để luận văn có điều kiện hoàn thiện thêm.